

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-PT

Ngày 11-5-2022

V/v tranh chấp về thay đổi người trực
tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hà Nam

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Thúy Năng

Ông Nguyễn Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Nam, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2022/TLPT-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022 về việc tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2021/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2021/QĐ-PT ngày 01 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị B; sinh năm 1977; cư trú tại: Đường N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị B là ông T; Luật sư Văn phòng Luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Xuân V; sinh năm 1976; cư trú tại: Đường N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Bà Trần Thị B, là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Thị B, trình bày:

- Bà và ông Nguyễn Xuân V đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 127/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28/7/2020 của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng; khi ly hôn thì bà và ông V đã thỏa thuận bà trực tiếp nuôi 02 con tên Nguyễn Thị Kim A và Nguyễn Thị Kim B, còn ông V trực tiếp nuôi 02 con tên Nguyễn Xuân S và Nguyễn Thị Kim N.

- Hiện tại thì bà và ông V đang cùng 04 người con sống chung trong căn nhà tại địa chỉ đường N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình nuôi 02 con bà thấy ông V không có trách nhiệm trong việc học hành và chở các con đi học; tất cả đều do một mình bà đảm nhiệm; còn ông V thì chỉ mỗi việc chở các con đi học về; nếu bà có việc không chở 02 con đi học được thì ông V cho con nghỉ học. Nay bà thấy quá trình nuôi dưỡng, dạy dỗ con ăn học của ông V không tốt nên bà yêu cầu giao cả 02 con tên Nguyễn Xuân S, sinh ngày 18/12/2008 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 12/11/2010 cho bà được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; bà không yêu cầu ông V cấp dưỡng cho con.

Bị đơn ông Nguyễn Xuân V, trình bày:

- Khi ly hôn thì ông và bà Trần Thị B đã thỏa thuận bà B trực tiếp nuôi 02 con là Nguyễn Thị Kim A và Nguyễn Thị Kim B; còn phần ông trực tiếp nuôi 02 con là Nguyễn Xuân S và Nguyễn Thị Kim N. Mặc dù vợ chồng đã ly hôn nhưng đến nay cả 04 con chung, ông và bà B vẫn sống trong căn nhà đường N.

- Về yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con của bà Trần Thị B thì ông không chấp nhận vì ông thấy tất cả đang sống chung một nhà; ngoài ra, ông cảm nhận được bà B đi buôn bán hàng ngày không biết dạy con, dẫn đến con hư hỏng. Con gái đầu là Nguyễn Thị Kim A mặc dù mới 18 tuổi nhưng đã có bồ bịch, dẫn bạn trai về

nhà, ông đi làm về thấy có la đuổi bạn trai ra khỏi nhà; còn bà B không cho ông dạy con kiêu đó; bà B không xem ông ra gì, không cho ông quyền nuôi dạy con; ông cảm thấy con gái đầu đã hư hỏng nên xin được quyền để dạy dỗ con, nhưng bà B không chấp nhận. Đối với quyền nuôi hai con Nguyễn Xuân S và Nguyễn Thị Kim N thì bản thân ông cảm thấy vẫn lo chăm sóc, ăn học và nuôi dưỡng 02 cháu tốt không có vấn đề gì, ông thấy vẫn đủ khả năng và trách nhiệm nuôi 02 cháu S và N đến tuổi trưởng thành tốt.

Với nội dung nói trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2021/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng đã xử và quyết định:

- Áp dụng Điều 26; khoản 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B đối với ông Nguyễn Xuân V.

Tuyên xử:

1. Ông Nguyễn Xuân V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Xuân S, sinh ngày 18/12/2008 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 12/11/2010 theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự số 127/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28/7/2020 của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền, nghĩa vụ của các bên đối với con chung; án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự biết theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/01/2022, bà Trần Thị B nộp đơn kháng cáo xin được trực tiếp nuôi cả 02 con chung Nguyễn Xuân S và Nguyễn Thị Kim N. Ngoài ra, bà B còn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để thời hạn giải quyết vụ án kéo dài hơn quy định; vi phạm về Hội thẩm nhân dân tham gia xét xử vụ

án không đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử làm cho kết quả giải quyết không khách quan, vô tư, gây bức xúc cho bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo bà Trần Thị B rút một phần kháng cáo về các nội dung Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm về thời hạn xét xử, vi phạm về thay đổi Hội thẩm nhân dân và vi phạm về ghi sai năm sinh của bà B trong Bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kháng cáo bà Trần Thị B cho rằng khi ly hôn thì ông Nguyễn Xuân V được giao trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn Xuân S và Nguyễn Thị Kim N nhưng ông đã không cáng đáng được việc nuôi con; cụ thể là bà B phải đóng nộp tất cả các khoản học phí cho con, thể hiện tại các biên lai thu tiền học phí và lời khai nhận của ông V trong quá trình tố tụng ở Tòa án cấp sơ thẩm, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà B và xử giao cho bà B được trực tiếp nuôi 02 con chung Sinh và Nhi; ông V không phải cấp dưỡng cho con; ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu rút một phần kháng cáo của bà B về kháng cáo thủ tục tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị B, đã thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Xuân V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm lần thứ hai do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với ông V, theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo bà Trần Thị B đã rút một phần kháng cáo về các nội dung Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử; Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm về thay đổi 02 Hội thẩm nhân dân khi xét xử và Tòa án cấp sơ

thẩm vi phạm về ghi sai năm sinh của bà B trong bản án, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các phần kháng cáo nói trên theo quy định tại Điều 284, Điều 289 và Điều 295 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét kháng cáo của bà Trần Thị B về yêu cầu giao cho bà trực tiếp nuôi 02 con chung là Nguyễn Xuân S và Nguyễn Thị Kim N, thì thấy: Việc giao con chung cho người cha hay mẹ trực tiếp nuôi phải trên cơ sở quyền lợi về mọi mặt của người con, còn quyền được trực tiếp nuôi con của cha, mẹ là thứ yếu so với quyền lợi của các con. Yêu cầu được trực tiếp nuôi con của bà B là chính đáng và đầy trách nhiệm của người làm mẹ. Tuy nhiên, hiện tại thì bà B cũng đang trực tiếp nuôi 02 con chung là Nguyễn Thị Kim A và Nguyễn Thị Kim B; mặt khác, 02 con chung là Nguyễn Xuân S và Nguyễn Thị Kim N mà bà B yêu cầu trực tiếp nuôi thì vẫn đang chung sống dưới một mái nhà với cả bà B và ông V; cũng như bà B trình bày thì bà vẫn trực tiếp chăm lo, dạy dỗ 02 con từ ăn ngủ cho đến học hành, nên nghĩa vụ, quyền của bà vẫn được đảm bảo theo quy định của pháp luật và việc bà B yêu cầu được giao trực tiếp nuôi dưỡng 02 con Sinh và Nhi chỉ là về mặt hình thức. Ngoài ra, việc bà B cho rằng ông V bỏ bê 02 con là không có cơ sở và bà không chứng minh được ông V không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Xét để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu S và cháu N, Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của bà B là đúng với quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; do đó, kháng cáo của bà B là không có căn cứ pháp luật nên không được chấp nhận.

[5] Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là bà Trần Thị B phải chịu án phí phúc thẩm, theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kháng cáo bà Trần Thị B là không có cơ sở như phân tích ở trên, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn xét xử phúc thẩm là đúng pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị B; giữ

nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2021/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 284, Điều 289 và Điều 295 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần vụ án về kháng cáo của bà Trần Thị B về các nội dung Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử; Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm về thay đổi 02 Hội thẩm nhân dân khi xét xử và Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm về ghi sai năm sinh của bà trong bản án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị B.

Căn cứ vào Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2021/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B đối với ông Nguyễn Xuân V về việc tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

2. Về án phí: Bà Trần Thị B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000223 ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; bà B đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2021/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng không bị

kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân quận L;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Hà Nam